

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10 - 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,782,044,165,769	3,560,223,091,177
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	160,126,397,663	308,443,852,767
1	Tiền	111		107,076,397,663	51,293,852,767
2	Các khoản tương đương tiền	112		53,050,000,000	257,150,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,263,062,170,447	2,002,798,490,107
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	79,502,064,260	120,222,672,796
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(819,893,813)	(174,182,689)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2,184,380,000,000	1,882,750,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		687,227,450,203	601,071,122,261
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	345,501,696,866	397,523,200,932
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		324,100,503,493	329,205,951,278
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		21,401,193,373	68,317,249,654
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	94,182,063,365	95,427,825,767
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	324,894,238,686	178,531,336,165
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(77,350,548,714)	(70,411,240,603)
IV	Hàng tồn kho	140		10,100,490,810	9,619,317,749
1	Hàng tồn kho	141		10,176,932,357	9,695,759,296
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76,441,547)	(76,441,547)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		132,071,662,690	125,000,603,189
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	128,338,367,554	123,345,316,040
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		126,680,291,490	121,468,560,031
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,658,076,064	1,876,756,009
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,442,515,085	580,635,286
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	1,290,780,051	1,074,651,863
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		529,455,993,956	513,289,705,104
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	V.16	315,098,170,746	298,110,560,168
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	V.16	214,357,823,210	215,179,144,936

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		837,481,439,066	727,739,601,402
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		16,060,029,843	17,750,477,670
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	216		16,060,029,843	17,750,477,670
4.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10,280,000,000	10,780,000,000
4.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		5,780,029,843	6,970,477,670
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		105,425,613,234	86,169,814,475
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	61,624,649,951	57,017,008,674
	Nguyên giá	222		130,717,987,865	120,770,404,758
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,093,337,914)	(63,753,396,084)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3,770,444,831	3,197,904,293
	Nguyên giá	228		8,219,618,567	7,376,063,011
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,449,173,736)	(4,178,158,718)
III	Bất động sản đầu tư	230	V.10	89,622,979,005	90,333,667,176
	Nguyên giá	231		91,099,979,212	90,970,255,582
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1,477,000,207)	(636,588,406)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		40,030,518,452	25,954,901,508
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	40,030,518,452	25,954,901,508
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		607,322,922,215	516,588,413,826
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2	126,534,062,645	124,501,638,493
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	164,976,686,400	174,395,785,028
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(43,179,176,237)	(42,229,009,695)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		358,991,349,407	259,920,000,000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		16,570,110,454	14,268,666,872
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	16,558,610,454	14,226,398,286
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	42,268,586
3	Tài sản dài hạn khác	268		11,500,000	-
VII	Lợi thế thương mại	269		2,479,784,315	2,628,561,383
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,619,525,604,835	4,287,962,692,579

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		2,802,418,837,294	2,444,581,849,388
I	Nợ ngắn hạn	310		2,800,644,660,337	2,441,827,672,431
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	167,091,429,851	157,668,805,826
1.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		137,127,821,656	127,664,598,876
1.2	Phải trả khác cho người bán	311.2		29,963,608,195	30,004,206,950
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	31,543,761,970	37,374,118,199
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	28,364,470,111	22,490,552,994
4	Phải trả người lao động	314		22,180,316,888	56,573,774,788
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		53,617,437	692,255,517
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		55,238,644,346	74,182,146,698
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	175,487,374,349	62,900,664,294
9	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		108,123,355,746	109,233,960,118
10	Vay ngắn hạn	320		-	2,029,800,000
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		123,674,365	24,539,637
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13	Dự phòng nghiệp vụ	329	V.16	2,212,438,015,274	1,918,657,054,360
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,444,949,372,604	1,264,462,864,552
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	319.2		684,527,023,890	582,996,936,818
13.3	Dự phòng giao động lớn	319.3		82,961,618,780	71,197,252,990
II	Nợ dài hạn	330		1,774,176,957	2,754,176,957
1	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333	V.17	1,028,923,136	2,008,923,136
4	Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		745,253,821	-
6	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
7	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
8	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
9	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	745,253,821

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,816,169,484,414	1,843,380,843,191
	Vốn chủ sở hữu	410 V.18	1,816,169,484,414	1,843,380,843,191
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	828,752,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	415	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418	19,773,444,835	18,168,277,954
9	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	36,312,733,442	36,312,733,442
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	128,183,163,333	156,055,922,056
-	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	91,759,340,502	3,692,663,923
-	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	26,529,663,720	152,363,258,133
12	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
C -	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429 V.26	937,283,127	943,766,935
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	4,619,525,604,835	4,287,962,692,579

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		240,005,209,367	210,170,630,726
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		75,425.22	95,523.50
Euro (EUR)		28,925.21	28,929.25
Bảng Anh (£)		351.13	354.43

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Cao Thu Hiền

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: tỷ đồng)

Quý II năm 2016

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý 2.2016	Quý 2.2015	Năm nay / Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	VI.1	560,750,973,499	404,555,527,248	1,124,469,281,015
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	10.1		1,425,981,600		1,425,981,600
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11		26,405,872,877	14,329,072,554	46,922,847,717
4. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.2	68,036,078,975	23,407,867,997	114,813,920,393
5. Thu nhập khác	13		140,073,793	319,340,506	380,281,478
6. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		483,924,924,345	267,975,239,199	892,303,296,599
7. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		840,411,801	-	840,411,801
8. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.1		23,453,043,028	11,663,088,694	41,743,096,221
9. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.3	22,381,445,724	1,299,929,281	25,166,755,080
10. Chi phí bán hàng	22.1		670,061,977	757,031,356	1,110,079,893
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	VI.4	89,616,903,254	124,910,413,271	233,922,255,445
12. Chi phí khác	24		236,418,287	63,540,185	572,622,237
13. Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	25		726,911,618	(827,370,087)	2,104,828,412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36,362,683,946	35,115,196,232	94,458,623,339

(50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 2.2016		Quý 2.2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		5,914,490,172	7,496,268,444	18,312,133,666	13,247,828,771	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	5,914,490,172	7,496,268,444	18,312,133,666	13,247,828,771	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	438,619,468	(14,246,783)	438,619,468	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		30,448,193,774	27,180,308,320	76,160,736,456	48,904,964,749	
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		44,022,489	19,815,862	44,022,489	41,523,098	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		30,432,846,971	27,160,492,458	76,116,713,967	48,863,441,651	
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	469	539	1,173	970	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94,458,623,339	27,476,216,756
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6,952,592,606	2,559,234,401
- Các khoản dự phòng	03		286,149,857,839	139,048,825,031
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		539,065,019	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(86,134,616,087)	(16,212,024,599)
- Chi phí lãi vay	06		41,731,507	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		302,007,254,223	152,872,251,589
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64,252,087,191)	(61,605,554,881)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(481,173,061)	(2,160,432,618)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1,716,951,620)	(15,582,583,108)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7,325,263,682)	(2,189,391,254)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(41,731,507)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12,903,982,832)	(5,950,902,138)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		755,288,598	820,400,836
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,027,799,062)	(5,017,212,490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		214,013,553,866	61,186,575,936
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24,645,987,639)	(2,361,219,892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(596,273,000,000)	(145,200,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		312,500,000,000	117,970,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(116,049,250,779)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		8,540,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56,555,487,700	12,762,167,050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(359,372,750,718)	(16,829,052,842)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,029,800,000)	(737,734,572)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(928,458,252)	(27,449,985,952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,958,258,252)	(28,187,720,524)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(148,317,455,104)	16,169,802,570
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	308,443,852,767	42,130,918,112
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	160,126,397,663	58,300,720,682

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Bán xăng dầu	93.63%	93.63%	93.63%	93.63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	98.33%	98.33%	98.33%	98.33%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công. Phường Định Công. Quận Hoàng Mai. Thành phố Hà N	49.00%	95.32%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt. phường 14. quận 10. TP Hồ Chí Minh	21.30%	21.30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13. đường Suphanuvong . thành phố Viêng Chăn. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50.00%	50.00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có 1.591 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tập đoàn trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tập đoàn trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tập đoàn.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng bồi} \\ \text{thường cho tổn} \\ \text{thất đã phát sinh} \\ \text{chưa thông báo} \\ \text{hoặc chưa yêu cầu} \\ \text{đòi bồi thường cho} \\ \text{năm tài chính hiện} \\ \text{tại} \end{array} = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường} \\ \text{cho tổn thất đã phát sinh} \\ \text{chưa thông báo hoặc chưa} \\ \text{yêu cầu đòi bồi thường} \\ \text{của 3 năm tài chính trước} \\ \text{liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường} \\ \text{phát sinh của 3 năm tài} \\ \text{chính trước liên tiếp}} \times \frac{\text{Số tiền} \\ \text{bồi} \\ \text{thường} \\ \text{phát sinh} \\ \text{của năm} \\ \text{tài chính} \\ \text{hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần} \\ \text{hoạt động kinh doanh Bảo} \\ \text{hiểm của năm tài chính} \\ \text{hiện tại}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu} \\ \text{cầu đòi bồi thường} \\ \text{ bình quân của năm tài} \\ \text{chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu} \\ \text{cầu đòi bồi thường BQ} \\ \text{của năm tài chính trước}}$$

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm. Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tập đoàn. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2015: 22.540 VND/USD

30/06/2016: 22.345 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tập đoàn chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cổ định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trọng năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.727.662.917	7.114.682.682
Tiền gửi ngân hàng	61.760.278.746	44.179.170.085
Tiền đang chuyển	35.588.456.000	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	53.050.000.000	257.150.000.000
Cộng	<u>160.126.397.663</u>	<u>308.443.852.767</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
ACV	-	-	-	29.600.000.000	29.600.000.000	-
BVH	1.190.784.045	1.180.000.000	10.784.045	-	-	-
BHS	4.183.061.565	4.183.061.565	-	-	-	-
CSV	709.745.540	709.745.540	-	-	-	-
DGC	2.928.504.820	2.928.504.820	-	-	-	-
DPTW2	1.908.413.500	1.908.413.500	-	1.908.413.500	1.908.413.500	-
GEX	1.606.095.530	1.599.000.000	7.095.530	5.854.981.000	7.345.000.000	-
FCN	2.180.692.140	2.030.000.000	150.692.140	-	-	-
HPG	5.325.187.568	5.325.187.568	-	-	-	-
MAC	-	-	-	5.191.194.015	5.106.412.200	84.781.815
MBB	7.144.748.980	7.144.748.980	-	-	-	-
NET	4.051.133.530	4.051.133.530	-	-	-	-
PGI	11.025.322.004	11.025.322.004	-	21.096.244.641	27.527.111.000	-
PHH	-	-	-	11.419.433.280	13.410.840.000	-
SDF	-	-	-	6.052.582.420	7.687.120.000	-
SHI	-	-	-	732.549.726	738.855.000	-
TCO	9.059.105.656	9.059.105.656	-	10.213.625.656	11.448.990.000	-
VFA	-	-	-	3.089.948.500	3.374.000.000	-
VFG	1.144.303.886	1.144.303.886	-	-	-	-
VGG	3.221.551.475	3.221.551.475	-	-	-	-
VIC	-	-	-	3.041.555.500	3.199.000.000	-
VIS	1.149.722.000	1.149.722.000	-	-	-	-
VNE	6.271.972.098	5.620.650.000	651.322.098	2.067.546.899	2.151.632.000	-
VNR	14.261.500.905	14.261.500.905	-	14.261.500.905	42.120.000.000	-
VSC	2.140.219.018	2.140.219.018	-	-	-	-
VTV	-	-	-	4.101.980.874	4.012.580.000	89.400.874
VTX	-	-	-	1.591.115.880	1.847.860.000	-
Cộng	79.502.064.260	78.682.170.447	819.893.813	120.222.672.796	161.477.813.700	174.182.689

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.184.120.000.000	2.184.120.000.000	1.882.490.000.000	1.882.490.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.169.920.000.000	2.169.920.000.000	1.860.500.000.000	1.860.500.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	14.200.000.000	14.200.000.000	21.990.000.000	21.990.000.000
Dài hạn	358,928,349,407	319,693,666,848	377,220,785,028	337,613,666,848
Tiền gửi có kỳ hạn	72.000.000.000	72.000.000.000	89.920.000.000	89.920.000.000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư trái phiếu	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản	61,010,347,222	61,010,347,222	61,010,347,222	61,010,347,222

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện				
Cho vay ủy thác Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	33,758,002,185	9,866,695,721	34,130,437,806	9,866,695,721
Cho vay ủy thác Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nội	22,160,000,000	6,816,623,905	22,160,000,000	6,816,623,905
Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Tasco	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	2,543,048,349,407	2,503,813,666,848	2,259,710,785,028	2,220,103,666,848

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽¹⁾	88.200.000.000	-	88.200.000.000	88.200.000.000	-	88.200.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽²⁾	20.152.200.000	-	20.152.200.000	20.152.200.000	-	20.152.200.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽³⁾	14.292.700.000	-	14.292.700.000	14.292.700.000	-	14.292.700.000
Cộng	122.644.900.000	-	122.644.900.000	122.644.900.000	-	122.644.900.000

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà nội cấp. Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016. Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

(2) Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-DTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 850.000 USD, tương đương 42.5% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016. Số vốn Tổng Công ty đang góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang là 20.152.200.000 VND, chiếm 50% vốn điều lệ.

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 ngày 30 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty đầu tư mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Viễn Thông tin học điện tử tương đương 21.3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016. Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Các khoản tăng giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
(1)	88,366,875,976	165,799,343	-	88,532,675,319
(2)	23,478,643,784	1,458,711,718	-	24,937,355,502
(3)	12,656,118,733	480,317,351	(72,404,260)	13,064,031,824
Cộng	124,501,638,493	2,104,828,412	(72,404,260)	126,534,062,645

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	1.919.228.563	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	1.332.110.756	2.940.000.000	1.332.110.756
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000	418.351.145	17.080.000.000	418.351.145
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	-	-	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	14.900.000.000	1.243.865.235	14.900.000.000	1.243.865.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	-
Công ty Cổ phần 36	44.522.628.100	-	-	-
Công ty Cổ phần cấp phát nước Vĩnh Long	64.109.058.300	-	-	-
Cộng	311,121,586,400	7,332,011,044	203,239,900,000	6,381,844,502

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	280.109.796.553	277.949.634.261
Phải thu về tái bảo hiểm	43.990.706.940	51.256.317.017
Phải thu khác của khách hàng	21.401.193.373	68.317.249.654
Cộng	345.501.696.866	397.523.200.932

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	70.090.109.429	80.273.380.435
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	7.825.969.629	4.787.355.238
Trả trước cho nhà cung cấp khác	16.265.984.307	10.367.090.094
Cộng	94.182.063.365	95.427.825.767

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	151.426.575.667	121.847.447.280
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Trả trước bồi thường đồng bảo hiểm	34.379.112.528	-
Tạm ứng	33.167.290.979	14.285.714.099
Ký quỹ	3.668.848.219	3.534.254.103
Các khoản phải thu khác	96.638.229.539	33.249.738.929
Cộng	<u>324.894.238.686</u>	<u>178.531.336.165</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	126.680.291.490	121.468.560.031
Chi phí khác	1.658.076.064	1.876.756.009
Cộng	<u>128.338.367.554</u>	<u>123.345.316.040</u>

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số dư đầu năm	121.468.560.031
Số phát sinh trong năm	124.696.661.961
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(119.484.930.502)
Số dư cuối năm	<u>126.680.291.490</u>

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.007.030.347	3,057,246,267
Chi phí thuê nhà	4.592.444.663	3,469,144,657
Chi phí phát triển đại lý	350.866.465	379,910,155
Các khoản chi phí khác	9.608.268.979	6,508,670,279
Cộng	<u>16.558.610.454</u>	<u>13,414,971,358</u>

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	20.179.866	590.632.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	24.397.482
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	766.155.998	295.274.763
Thuế khác	504.444.187	164.346.890
Cộng	<u>1.290.780.051</u>	<u>1.074.651.863</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.838.273.530	22.772.790.335	72.481.974.375	17.642.366.518	35.000.000	120.770.404.758
Tăng trong năm	-	96.880.000	9.420.978.180	874.948.885	-	10.392.807.065
Giảm trong kỳ	-	-	(408.527.595)	(36.696.363)	-	445.223.958
Số cuối năm	7.838.273.530	22.869.670.335	81.494.424.960	18.480.619.040	35.000.000	130.717.987.865
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		33.850.000	14.960.065.804	9.915.622.515		24.909.538.319
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.805.710.180	9.886.489.818	39.659.534.966	12.390.067.370	11.593.750	63.753.396.084
Khấu hao trong năm	104.171.730	1.744.802.634	2.892.512.388	1.039.304.036	4.374.999	5.785.165.787
Giảm trong kỳ	-	-	(408.527.595)	(36.696.363)	-	445.223.958
Số cuối kỳ	1.909.881.910	11.631.292.452	42.143.519.759	13.392.675.043	15.968.749	69.093.337.914
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.032.563.350	12.886.300.517	32.822.439.409	5.252.299.148	23.406.250	57.017.008.674
Số cuối năm	5.928.391.620	11.238.377.883	39.350.905.201	5.087.943.997	19.031.251	61.624.649.951

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.200.890.000	5.175.173.011	7.376.063.011
Tăng trong năm	-	899.555.556	899.555.556
Giảm trong kỳ	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số cuối năm	2.200.890.000	6.018.728.567	8.219.618.567
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	4.178.158.718	4.178.158.718
Khấu hao trong năm	-	327.015.018	327.015.018
Giảm trong kỳ	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số cuối năm	-	4.449.173.736	4.449.173.736
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.200.890.000	997.014.293	3.197.904.293
Số cuối năm	2.200.890.000	1.569.554.831	3.770.444.831

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa. vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	83.975.492.055	90.970.255.582
Tăng trong năm	-	129.723.630	129.723.630
Số cuối năm	6.994.763.527	84.105.215.685	91.099.979.212
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	636.588.406	636.588.406
Khấu hao trong năm	-	840.411.801	840.411.801
Số cuối năm	-	1.477.000.207	1.477.000.207
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.994.763.527	83.338.903.649	90.333.667.176
Số cuối năm	6.994.763.527	82.628.215.478	89.622.979.005

11. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	25,632,597,708	14,253,180,574	129,723,630	39,756,054,652
Sàn Thương mại Thủy lợi 4		129,723,630	129,723,630	-
Sàn Fhome	7,290,951,663		-	7,290,951,663
Dự án Xuân Phương	16,416,923,000	11,632,020,000	-	28,048,943,000
Công trình khác	1,924,723,045	2,491,436,944	-	4,416,159,989
Sửa chữa lớn TSCĐ	322,303,800		47,840,000	274,463,800
Cộng	25,954,901,508	14,253,180,574	177,563,630	40,030,518,452

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	89,111,327,650	90.614.253.320
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18,085,389	18.085.389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	47,998,408,617	30.685.018.585
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	-	6.347.241.582
Phải trả cho nhà cung cấp khác	29,963,608,195	30.004.206.950
Cộng	167,091,429,851	157.668.805.826

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước bảo hiểm gốc	30,995,878,074	36.829.272.276
Người mua trả tiền trước khác	547,883,896	544.845.923
Cộng	31,543,761,970	37.374.118.199

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17,677,931,432	15.285.240.503
Thuế xuất nhập khẩu		1.688.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,956,789,170	548.638.336
Thuế thu nhập cá nhân	4,543,845,063	6.416.128.863
Các loại thuế khác	185,904,446	238.857.034
Cộng	<u>28,364,470,111</u>	<u>22.490.552.994</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94,458,623,339	27.476.216.756
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3,695,808,312)	(1.378.906.280)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	(1.378.906.280)
<i>Lỗ từ Công ty liên kết</i>		(1.378.906.280)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3,695,808,312)	-
<i>Lãi từ công ty liên kết</i>	(2,104,828,412)	-
<i>Chuyển lỗ của công ty con</i>	(381,406,180)	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1,209,573,720)	-
Thu nhập chịu thuế	90,762,815,027	26.097.310.476
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	90,762,815,027	26.097.310.476
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<u>18,152,563,005</u>	<u>5.741.408.306</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	<u>(104.794.095)</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<u>18,152,563,005</u>	<u>5.636.614.211</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng mức thuế suất khác</i>	<u>(8,676,989)</u>	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<u>168,247,650</u>	<u>114.946.116</u>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>18,312,133,666</u>	<u>5.751.560.327</u>

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	895,173,079	535,067,702
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1,849,424,773	1,480,013,270
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119,178,677,140	23,632,284,592
Ứng trước tiền bán chứng khoán từ VNDirect	2,421,497,458	2,360,201,163
Thuế nhà thầu tạm giữ	8,091,911,533	
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm phải trả Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam	13,698,443,401	12,255,848,309
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	29,220,514,672	22,637,249,258
Phải trả phải nộp khác	175,487,374,349	62,900,664,294
Cộng	895,173,079	535,067,702

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	năm nay		năm trước		Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái Bảo hiểm		
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
1. Dự phòng bồi thường	684,527,023,890	214,357,823,210	470,169,200,680	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	655,413,358,312	214,357,823,210	441,055,535,102	555,883,271,240	215,179,144,936	340,704,126,304
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	29,113,665,578		29,113,665,578	27,113,665,578	-	27,113,665,578
	1,444,949,372,604	315,098,170,746	1,129,851,201,858	1,264,462,864,552	298,110,560,168	966,352,304,384
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	2,129,476,396,494	529,455,993,956	1,600,020,402,538	1,847,459,801,370	513,289,705,104	1,334,170,096,266
Cộng						
	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882	575,866,669,498	277,777,014,456	298,089,655,042
	101,530,087,072	(821,321,726)	102,351,408,798	7,130,267,320	(62,597,869,520)	69,728,136,840
	684,527,023,890	214,357,823,210	470,169,200,680	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882
	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	1,264,462,864,552	298,110,560,168	966,352,304,384	1,185,677,535,448	278,553,981,634	907,123,553,814
Số trích lập trong năm	180,486,508,052	16,987,610,578	163,498,897,474	78,785,329,104	19,556,578,534	59,228,750,570
Số dư cuối năm	1,444,949,372,604	315,098,170,746	1,129,851,201,858	1,264,462,864,552	298,110,560,168	966,352,304,384

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882	575,866,669,498	277,777,014,456	298,089,655,042
Số dư đầu năm	101,530,087,072	(821,321,726)	102,351,408,798	7,130,267,320	(62,597,869,520)	69,728,136,840
Số trích lập trong năm	684,527,023,890	214,357,823,210	470,169,200,680	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882
Số dư cuối năm	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882	582,996,936,818	215,179,144,936	367,817,791,882
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	1,264,462,864,552	298,110,560,168	966,352,304,384	1,185,677,535,448	278,553,981,634	907,123,553,814
Số trích lập trong năm	180,486,508,052	16,987,610,578	163,498,897,474	78,785,329,104	19,556,578,534	59,228,750,570
Số dư cuối năm	1,444,949,372,604	315,098,170,746	1,129,851,201,858	1,264,462,864,552	298,110,560,168	966,352,304,384

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>năm trước</u>
Số dư đầu năm	71,197,252,990	51.435.462.736
Số trích lập thêm trong năm	11,764,365,790	19.761.790.254
Số dư cuối năm	<u>82,961,618,780</u>	<u>71.197.252.990</u>

17. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỀN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	503,957,090,000	60,296,215,488	17,511,684,675	28,471,899,039	63,787,564,819	674,024,454,021
Cổ đông góp vốn	300,000,000,000	767,976,837,316	-	-	-	1,067,976,837,316.0
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	160,204,092,536	160,204,092,536
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	656,593,279	7,840,834,403	(9,154,020,961)	(656,593,279)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(58,435,279,900)	(58,435,279,900)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1,313,186,558)	(1,313,186,558)
Giảm khác	-	-	-	-	966,752,120	636,752,120
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	18,168,277,954	36,312,733,442	156,055,922,056	1,842,437,076,256
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	18,168,277,954	36,312,733,442	156,055,922,056	1,842,437,076,256
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	0
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	76,116,713,967	76,116,713,967
Tăng khác	-	-	-	-	-	0
Trích lập các quỹ trong năm	-	1,605,166,881	-	-	(1,605,166,881)	0
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(96,474,850,800)	(96,474,850,800)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(5,837,050,750)	(5,837,050,750)
Giảm khác	-	-	-	-	(72,404,259)	(72,404,259)
Số dư cuối năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	19,773,444,835	36,312,733,442	128,183,163,333	1,816,169,484,414

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	50.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	50.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	50.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	1,478,619,285,589	1,116,559,798,992
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(8,121,817,344)	(10,163,406,113)
Phí nhận tái bảo hiểm	47,256,665,545	50,385,582,784
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2,703,546,927)	(1,694,054,096)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(180,486,508,052)	(184,447,002,868)
Doanh thu thuần	1,334,564,078,811	970,640,918,699
2. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	77,919,155,594	33,492,353,042
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	187,240,414	150,735,829
Lãi ủy thác đầu tư	4,622,414,551	100,054,186
Lãi mua bán trái phiếu,	2,383,472,222	10,068,683,059
Lãi kinh doanh chứng khoán	27,625,474,313	1,016,490,861
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,209,573,720	430,649,379
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	823,875,010	51,591,885
Lãi đầu tư BĐS	8,714,420	
Các khoản khác	34,000,149	
Cộng	114,813,920,393	45,310,558,241
3. Chi phí tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41,731,507	3,873,106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	539,065,019	1,425,977,343
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12,553,147	1,116,658
Lỗ kinh doanh chứng khoán	3,354,960,483	4,673,531,757
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	645,711,124	391,056,955
Dự phòng ủy thác đầu tư	950,166,542	(2,550,535,957)
Chi phí tài chính khác	19,622,567,258	394,811,625
Cộng	25,166,755,080	4,339,831,487

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	132,667,082,598	125,632,540,624
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6,776,076,608	6,366,774,946
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	6,322,084,089	3,842,747,865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,358,020,360	3,474,532,460
Thuế, phí và lệ phí	4,272,985,769	2,973,858,111
Chi phí dự phòng	7,292,502,057	2,698,271,516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,147,566,262	25,622,054,902
Chi phí khác bằng tiền	41,085,937,702	35,964,759,790
Cộng	<u>233,922,255,445</u>	<u>206,575,540,214</u>

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Cao Thu Hiền

Bùi Xuân Thu